

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ Quý II, 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 ngành Nông nghiệp và Môi trường

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Trong 6 tháng đầu năm 2026, ngành Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các địa phương tập trung chỉ đạo hoàn thành sản xuất vụ Đông Xuân 2025-2026 và triển khai kế hoạch sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu và vụ Mùa năm 2026; phát triển đàn vật nuôi gắn với công tác phòng chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm; thực hiện các giải pháp cấp bách về chống khai thác thủy sản bất hợp pháp (IUU) và các chính sách hỗ trợ ngư dân khai thác xa bờ; triển khai công tác bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng, phát triển trồng rừng sản xuất; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường, triển khai thực hiện có hiệu quả. Nhìn chung, tình hình sản xuất nông, lâm, thủy sản, quản lý tài nguyên và môi trường 6 tháng đầu năm 2026 duy trì được sự ổn định và phát triển, tạo nền tảng thuận lợi để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của ngành góp phần hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung cả tỉnh trong năm 2026. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Tiếp tục tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác chỉ đạo, điều hành và phương hướng, nhiệm vụ 2026.

- Ban hành kế hoạch hành động thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội và Chương trình công tác trọng tâm năm 2026; phối hợp các địa phương rà soát, cập nhật phương án tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 của tỉnh từ 10% trở lên. Bám sát kế hoạch để chỉ đạo thực hiện đảm bảo đạt mục tiêu đề ra; đồng thời thực hiện hiệu quả, chất lượng các nhiệm vụ UBND tỉnh giao và Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo đúng tiến độ.

- Chủ động rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả; tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao về Chuyển đổi số, Chiến lược dữ liệu, Đề án 06, Nghị quyết 57-NQ/TW; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính.

- Tổ chức rà soát, tham mưu trình HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các nghị quyết, quyết định, kế hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành và địa phương, tăng cường trách nhiệm trong công tác, chủ động thực hiện nhiệm vụ, nắm bắt địa bàn cơ sở; hồ

trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và giải đáp các kiến nghị thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tại các xã, phường.

2. Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao và Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh

- Nhiệm vụ thường xuyên: Từ ngày 01/01/2026 đến 15/6/2026 đã được UBND tỉnh giao 410 nhiệm vụ; đã hoàn thành 332 nhiệm vụ, 78 nhiệm vụ đang thực hiện.

- Chương trình công tác trọng tâm: Đã hoàn thành 19/36 nhiệm vụ trọng tâm (07/11 nhiệm vụ trọng tâm tháng, 11/17 nhiệm vụ trọng tâm Quý và 01/8 nhiệm vụ trọng tâm năm) đảm bảo chất lượng và đúng thời gian quy định.

3. Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn

3.1. Về lĩnh vực trồng trọt

- *Tiến độ sản xuất một số cây trồng chính:*

+ Tổng diện tích một số cây hàng năm chính ước đạt 216.057 ha, đạt 102,5% kế hoạch 6 tháng (210.758 ha), đạt 47,6% kế hoạch cả năm (453.440 ha), tăng 6,5% so với cùng kỳ¹.

+ Tổng diện tích một số cây công nghiệp dài ngày chính ước đạt 252.364 ha, đạt 100,5% kế hoạch năm (tăng 2.137 ha), tương đương so cùng kỳ; cây ăn quả chính ước đạt 31.950 ha, đạt 95,5% kế hoạch năm (33.320 ha), tăng 1,3% so với cùng kỳ.

- *Năng suất và sản lượng:* Thời tiết đầu năm tương đối thuận lợi, thường xuyên có mưa, nguồn nước tưới đảm bảo, nông dân tích cực đầu tư chăm sóc nên cây trồng sinh trưởng phát triển tốt. Năng suất các cây trồng đều đạt, vượt kế hoạch và tăng so với cùng kỳ². Sản lượng một số cây trồng hàng năm chính ước đạt 3.333.534 tấn, đạt 100,3% kế hoạch 6 tháng, đạt 42,3% kế hoạch cả năm, tăng 20,9% so với cùng kỳ. Sản lượng một số cây công nghiệp dài ngày chính ước đạt 171.900 tấn, đạt 97,7% kế hoạch 6 tháng, đạt 25,4% kế hoạch cả năm, tăng 7,6% so với cùng kỳ. Sản lượng một số loại cây ăn quả chính ước đạt 236.900 tấn, đạt 71,1% kế hoạch 6 tháng, đạt 34,8% kế hoạch cả năm, tăng 7,2% so với cùng kỳ.

- *Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả:* Trong 6 tháng đầu năm 2026, toàn tỉnh đã thực hiện chuyển đổi khoảng 5.042,6 ha diện tích cây trồng kém hiệu quả (vụ Đông Xuân 2025 – 2026) chuyển sang cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn, thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, phù hợp với nhu cầu thị trường³, đạt

¹ Vụ Đông Xuân 2025-2026 đạt 153.580 ha, đạt 100,6% kế hoạch. Đến nay, diện tích gieo trồng vụ Hè Thu đạt khoảng 53.241 ha, đạt 91,8% (kế hoạch 58.022 ha); vụ Mùa đạt khoảng 43.086 ha, đạt 17,7% (kế hoạch 242.820 ha).

² Cụ thể: Cây lúa: ước đạt 69,6 tạ/ha, tăng 0,4 tạ/ha so cùng kỳ; cây ngô: ước đạt 56,2 tạ/ha, tăng 0,8 tạ/ha so cùng kỳ; khoai lang: ước đạt 212,0 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha; cây lạc 42,4 tạ/ha, tăng 0,1 tạ/ha so cùng kỳ; đậu các loại: 10,5 tạ/ha, tăng 0,6 tạ/ha.

³ **Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa:** Tổng diện tích chuyển đổi đạt 2.344,6 ha, chủ yếu sang các loại cây trồng như: khoai lang (796,4 ha), thuốc lá (1.035,1 ha), rau và đậu đỗ (165,3 ha), lạc (123 ha), ngô (90,6 ha), dưa hấu (17,5 ha), cò chăn nuôi (62,3 ha) và các cây hàng năm khác (54,4 ha). **Kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên diện tích cây trồng kém hiệu quả:** Tổng diện tích chuyển đổi đạt 2.698 ha, trong đó: chuyển đổi trên đất trồng sắn 1.390,2 ha; đất trồng mía 407,5 ha; đất trồng điều 256,7 ha và đất trồng các cây trồng khác 643,6 ha. Chuyển đổi sang các loại cây có giá trị kinh tế cao hơn như: rau, đậu đỗ (44,8 ha), ngô (18 ha), dưa hấu (207 ha), thuốc lá (1.365,9 ha), cây ăn quả (32,7 ha), cây lâu năm (27,9 ha) và các cây công nghiệp ngắn ngày, cây hàng năm khác (1.001,7 ha).

61,9% kế hoạch năm (8.150 ha).

- *Về tình hình sâu bệnh hại cây trồng*: Nhờ chủ động triển khai thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng trừ sâu bệnh gây hại trên cây trồng ngay từ đầu vụ gieo trồng; chủ động kiểm tra, thực hiện tốt công tác điều tra, dự tính dự báo; hướng dẫn người dân phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để lây lan trên diện rộng. Nhìn chung, các đối tượng sinh vật hại cây trồng phát sinh gây hại cục bộ, tỷ lệ hại thấp.

- *Về thiết lập, xây dựng mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói nông sản*: Từ đầu năm đến nay, đã kết nối, hỗ trợ xây dựng và được cấp 90 mã số vùng trồng xuất khẩu và 13 cơ sở đóng gói nông sản; lũy kế đến nay, trên địa bàn tỉnh đã được cấp 400 mã số vùng trồng, với tổng diện tích 12.162,91 ha (Trong đó, có 55 mã số vùng trồng nội địa, với diện tích 513,59 ha và 345 mã số vùng trồng xuất khẩu, với diện tích 11.649,32 ha); 53 mã số cơ sở đóng gói trái cây xuất khẩu, chủ yếu sang thị trường Trung Quốc, Úc, Nhật Bản, Hàn Quốc, New Zealand,...

- *Về liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm*: Toàn tỉnh hiện có khoảng 226 chuỗi liên kết liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm/điện tích 253.100 ha; các chuỗi liên kết tập trung trên các ngành hàng chủ lực như cà phê (45.530 ha), hồ tiêu (2.610 ha), điều (19.640 ha), cao su (78.130 ha), mía (48.850 ha), sắn (35.270 ha), sầu riêng (4.190 ha), chuối (4.560 ha) và chanh dây (4.550 ha), góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, ổn định đầu ra và phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững.

- *Về xây dựng cánh đồng giảm phát thải khí nhà kính trong canh tác lúa bền vững*: Từ đầu năm đến nay, đã phối hợp với các địa phương, đơn vị có liên quan xây dựng 35 mô hình sản xuất lúa giảm phát thải trên diện tích khoảng 1.700 ha lúa.

3.2. Về lĩnh vực chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi nhìn chung ổn định; công tác quản lý kiểm soát chăn nuôi, phát triển tái đàn gắn với phòng, chống dịch bệnh trên địa bàn tỉnh tiếp tục được tăng cường và phát huy; tình hình các loại dịch bệnh trên địa bàn tỉnh được duy trì kiểm soát. Giá các sản phẩm chăn nuôi được duy trì ổn định, trong đó, giá lợn thường xuyên ở mức cao, tạo điều kiện cho người chăn nuôi tích cực tái đàn phát triển sản xuất chăn nuôi.

- Số lượng đàn vật nuôi kỳ tháng 6/2026 như sau: Đàn bò đạt 789.164 con, đạt 96% kế hoạch 6 tháng, đạt 95,1% so kế hoạch năm, tăng 0,1% so cùng kỳ. Đàn lợn đạt 1.729.364 con, đạt 91,2% kế hoạch 6 tháng, đạt 79,2% so kế hoạch năm, tăng 15,6% so với cùng kỳ. Đàn gia cầm đạt 18.428.800 con, đạt 94,6% so kế hoạch 6 tháng, đạt 93,3% so kế hoạch năm, tăng 6% so với cùng kỳ.

- Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 3 loại vật nuôi chủ lực Quý II ước đạt 124.082 tấn, đạt 88,8% kế hoạch, tăng 1,9% so với cùng kỳ; lũy kế 6 tháng ước đạt 256.993 tấn, đạt 90,1% kế hoạch, đạt 44,1% kế hoạch năm, tăng 5,1% so với cùng kỳ. Trong đó: Thịt bò Quý II ước đạt 21.729 tấn, đạt 82,3% kế hoạch; lũy kế 6 tháng ước đạt 47.729 tấn, đạt 88,6% kế hoạch, đạt 43,4% kế hoạch năm, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Thịt lợn Quý II ước đạt 86.398 tấn, đạt 87,8% kế hoạch; lũy kế 6 tháng ước đạt 177.097 tấn, đạt 88,2% kế hoạch, đạt 43,2% kế hoạch năm, tăng 6,1% so với cùng kỳ. Thịt gia cầm Quý II ước đạt 15.955 tấn, đạt 106,7% kế hoạch; lũy kế 6 tháng

ước đạt 32.168 tấn, đạt 105,4% kế hoạch, đạt 51,6% kế hoạch năm, tăng 4,8% so với cùng kỳ.

- Tình hình thực hiện dự án đầu tư: Đến nay, tỉnh đã thu hút được 308 dự án đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, với tổng diện tích 11.675,59 ha. Toàn tỉnh hiện có 884 trang trại, dự án chăn nuôi hoạt động gồm: 77 dự án chăn nuôi và 807 cơ sở chăn nuôi theo quy mô trang trại; có 06 chuỗi liên kết giữa các doanh nghiệp với người chăn nuôi, với tổng 210 trại liên kết và 13 hợp tác xã liên kết với các hộ sản xuất theo chuỗi; có 25 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận theo các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP. Chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, trang trại chiếm 32,12% (trong đó chăn nuôi bò chiếm 10,4%, chăn nuôi lợn chiếm 53%, chăn nuôi gia cầm chiếm 29,3%).

- Đến nay, đã có 107/135 xã, phường ban hành Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn cấp xã; cấp phát 1.158.630 liều vắc xin các loại; tổ chức tiêm phòng đợt 1 năm 2026 (Lũy kế đã tiêm 3.614.041 liều vắc xin các loại, đạt trên 20% tổng đàn). Toàn tỉnh hiện có 57 cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh còn hiệu lực.

3.3. Về lĩnh vực lâm nghiệp

Công tác kiểm tra, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, nhất là những vùng trọng điểm, có nguy cơ cháy rừng cao; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng; tổ chức tuần tra, kiểm soát, truy quét, ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản được tăng cường có hiệu quả; từ đầu năm đến nay không xảy ra cháy rừng; trong Quý II/2026, đã xảy ra 89 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp⁴; trong đó, vi phạm hành chính 62 vụ, vi phạm hình sự 01 vụ. Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã xảy ra 153 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (*tăng 06 vụ so với cùng kỳ*)⁵. Đã xử lý 83/153 vụ vi phạm (78 vụ vi phạm hành chính và 05 vụ vi phạm hình sự); đang xác minh, xử lý 70 vụ.

- Công tác sử dụng và phát triển rừng: Trong Quý II đã trồng được 4.750 ha đạt 112,3% kế hoạch; lũy kế từ đầu năm đến nay, đã trồng được 6.130 ha rừng trồng (tập trung 6.122 ha; cây phân tán 8 ha), đạt 144,9% kế hoạch, đạt 14,4% kế hoạch năm, tăng 32,7% so với cùng kỳ (Trong đó, trồng rừng gỗ lớn 428 ha, đạt 104% kế hoạch, đạt 10,4% kế hoạch năm, tăng 50% so với cùng kỳ). Sản lượng gỗ khai thác Quý II ước đạt 1.590 m³, đạt 172% kế hoạch; lũy kế ước đạt 1.947 nghìn m³, đạt 113,4% kế hoạch, đạt 73,7% kế hoạch năm, tăng 60% so với cùng kỳ; sản xuất hơn 109,3 triệu cây giống các loại. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là 23.331,12 ha (rừng trồng 23.078,08 ha; rừng tự nhiên 253,04 ha).

⁴ Phá rừng: 28 vụ, diện tích 219.696 m², 27 cây rừng tự nhiên bị ken, chặt, phá (*tăng 05 vụ*); khai thác rừng: 05 vụ, khối lượng gỗ thiệt hại 29,247 m³ gỗ các loại thuộc loài thông thường (*giảm 01 vụ*); vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng: 01 vụ (*tăng 01 vụ*); tàng trữ, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, vi phạm thủ tục trong mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 55 vụ (*giảm 02 vụ*).

⁵ Phá rừng: 37 vụ, diện tích 227.442 m², 260 cây rừng tự nhiên bị ken, chặt, phá (*tăng 07 vụ*); khai thác rừng: 10 vụ, khối lượng gỗ thiệt hại 36,833 m³ gỗ các loại thuộc loài thông thường (*giảm 01 vụ*); vi phạm các quy định về bảo vệ động vật rừng: 04 vụ (*tăng 04 vụ*); tàng trữ, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật, vi phạm thủ tục trong mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật: 102 vụ (*giảm 03 vụ*).

- Hoàn thành công tác theo dõi diễn biến rừng năm 2025; báo cáo và trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng và công bố hiện trạng rừng năm 2025 trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu ban hành 09 Nghị quyết và 16 Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, với diện tích 280 ha, gồm: rừng tự nhiên: 127,80 ha, rừng trồng và đất chưa có rừng có nguồn gốc 152,20 ha.

3.4. Về lĩnh vực thủy sản

- Từ đầu năm đến nay, thời tiết biển tương đối thuận lợi cho hoạt động khai thác thủy sản; hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản được quan tâm chú trọng đầu tư. Tổng sản lượng thủy sản Quý II ước đạt 91.206 tấn, đạt 107,5% kế hoạch, tăng 2,1% so với cùng kỳ; lũy kế 6 tháng ước đạt 155.944 tấn, đạt 103% kế hoạch, đạt 49,7% kế hoạch năm, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Sản lượng khai thác thủy sản Quý II ước đạt 84.812 tấn, đạt 107,8% kế hoạch; lũy kế 6 tháng ước đạt 148.000 tấn, đạt 103,3% kế hoạch, đạt 50,3% kế hoạch năm, tăng 2,5% so với cùng kỳ (sản lượng cá ngừ đại dương ước đạt 8.260 tấn, tăng 10% so với cùng kỳ). Sản lượng nuôi trồng thủy sản Quý II ước đạt 6.394 tấn, đạt 103,7% kế hoạch; lũy kế 6 tháng ước đạt 7.944 tấn, đạt 97,5% kế hoạch, đạt 39,7% kế hoạch năm, tăng 1,3% so với cùng kỳ.

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo tập trung mọi nguồn lực để chuẩn bị nội dung, hồ sơ và hiện trường làm việc với Đoàn Thanh tra của Ủy ban Châu Âu (EC) lần thứ 5; ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các khuyến nghị của Ủy ban châu Âu (EC) trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026; tổ chức Đoàn công tác liên ngành kiểm tra, xử lý các tồn tại, hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ chống khai thác IUU của các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Từ đầu năm đến nay đã tiếp nhận 6.374 hồ sơ đề nghị hỗ trợ (trong đó 5.064 hồ sơ nhiên liệu, 1.310 hồ sơ bảo hiểm); tổ chức thẩm định (02 đợt) cho 1.063 hồ sơ nhiên liệu, 195 hồ sơ bảo hiểm; trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách (03 đợt) cho 118 tàu cá đủ điều kiện.

- Phối hợp các xã, phường ven biển tổ chức triển khai thực hiện Chính sách: hỗ trợ chuyển đổi nghề, giải bản đối với tàu cá không có nhu cầu hoạt động, không đủ điều kiện khai thác hải sản theo quy định (đã tổ chức thẩm định cho 80 tàu cá thực hiện giải bản với tổng số tiền 20.616 triệu đồng; UBND các xã, phường đã phê duyệt hỗ trợ 34 tàu với số tiền 9.665 triệu đồng); hỗ trợ ổn định đời sống ngư dân, hỗ trợ duy trì kết nối thiết bị giám sát hành trình và các chính sách hỗ trợ phát triển nghề cá (đã thực hiện chi trả hỗ trợ cho 1.673 hộ gia đình với 8.229 nhân khẩu là ngư dân, tổng kinh phí giải quyết đạt 8.846,5 triệu đồng); hỗ trợ cước phí thuê bao duy trì kết nối thiết bị giám sát hành trình và nhật ký điện tử cho 3.191 tàu cá có chiều dài từ 12 mét trở lên (là tỉnh đầu tiên thực hiện cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu tàu cá quốc gia).

- Công tác Quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo: Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định số 36/2026/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3.5. Về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (ATTP) nông lâm thủy sản

Ban hành Kế hoạch và triển khai công tác đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trên năm 2026 trên địa bàn tỉnh; trong đó tập trung công tác bảo đảm ATTP Tết Nguyên đán Bính Ngọ và Lễ hội Xuân 2026, Tháng hành động vì ATTP trên địa bàn tỉnh; kế hoạch thực hiện công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả và xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ năm 2026.

Trong 6 tháng đầu năm, toàn ngành đã thẩm định điều kiện về ATTP cho 966 cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản và tàu cá chiều dài từ 15m trở lên; tổ chức, tham gia kiểm tra, hậu kiểm và kiểm tra đột xuất tại 209 cơ sở, xử phạt vi phạm hành chính 23 cơ sở với tổng số tiền 148 triệu đồng; thực hiện giám sát 439 mẫu sản phẩm nông, lâm, thủy sản, phát hiện và xử lý 4 mẫu vi phạm theo quy định; lấy mẫu xác nhận sản phẩm thuộc chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc. Tham gia các đoàn kiểm tra liên ngành; tổ chức tuyên truyền, thực hiện 19 lớp tập huấn, phổ biến các quy định về quản lý chất lượng, ATTP nông lâm thủy sản cho 1.266 lượt người; phối hợp điều tra, xử lý các vụ việc liên quan đến an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiếp nhận hồ sơ tự công bố sản phẩm theo quy định.

Về chế biến và phát triển thị trường nông, lâm, thủy sản, tiếp tục được triển khai đa dạng thông qua các kênh phân phối truyền thống và nền tảng số, góp phần quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP, sản phẩm thuộc chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn và các sản phẩm chủ lực của địa phương, nhất là trong Năm Du lịch quốc gia - Gia Lai 2026. Đồng thời, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh tham gia hội chợ, hội nghị kết nối cung cầu, quảng bá sản phẩm trong và ngoài tỉnh.

3.6. Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

Trong 6 tháng đầu năm 2026, công tác phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ, hiệu quả:

- Phối hợp các xã, phường và Công ty Vĩnh Hiệp triển khai xây dựng Đề án phát triển chuỗi cà phê bền vững tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026-2030; xây dựng Đề án chuyển đổi Xanh dựa vào thiên nhiên tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 – 2035; xây dựng “Đề án mở rộng và phát triển các vùng nguyên liệu nông, lâm, thủy sản đạt chuẩn giai đoạn 2026-2035” trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Phương án bố trí, ổn định dân cư vùng thiên tai giai đoạn 2026–2030 với 16 dự án, dự kiến sắp xếp 1.858 hộ dân; năm 2026 bố trí 980 hộ. Đến nay, các địa phương đã cơ bản hoàn thành công tác quy hoạch, hồ sơ pháp lý, giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng các khu tái định cư; đã giao đất cho 245 hộ, 169 hộ xây dựng nhà ở và 31 hộ đã di dời đến nơi ở mới.

- Tham mưu xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách phục vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026–2030; ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm và phát triển ngành nghề nông thôn.

- Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026–2030; đến nay có 90/111 xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện. Theo kế hoạch, giai đoạn 2026–2030 toàn tỉnh phấn đấu có 77 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 9 xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại.

- Chương trình OCOP tiếp tục được quan tâm triển khai; đề xuất công nhận 04 sản phẩm OCOP cấp quốc gia, phê duyệt các sản phẩm OCOP cấp tỉnh và xây dựng Đề án phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026–2030. Lũy kế toàn tỉnh có 852 sản phẩm OCOP còn hiệu lực, gồm 756 sản phẩm 3 sao, 85 sản phẩm 4 sao và 11 sản phẩm 5 sao, với 443 chủ thể tham gia.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới thông qua việc cập nhật dữ liệu trên Hệ thống thông tin nông thôn mới của tỉnh, đồng thời xây dựng Sổ tay điện tử về cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026–2030.

- Tiếp tục triển khai mô hình thí điểm Trung tâm thu mua – cung ứng nông sản an toàn tại xã Lơ Pang; đồng thời tham mưu phân bổ, điều chỉnh nguồn vốn và đơn đốc giải ngân các nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

3.7. Về quản lý đất đai

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt: Cho thuê đất 05 trường hợp, diện tích 122.041,5m²; Giao đất 02 trường hợp, diện tích 72.222,4 m²; Chuyển hình thức cho thuê đất từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê 06 trường hợp, diện tích 646.64,09 m²; Điều chỉnh Quyết định cho thuê đất 03 trường hợp; đã tham mưu Sở trình UBND tỉnh cho thuê đất 02 trường hợp diện tích 16.114,5m².

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành 11 văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực đất đai (10 quyết định của UBND tỉnh và 01 nghị quyết của HĐND tỉnh), góp phần hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đất đai sau sáp nhập tỉnh.

- Triển khai các quy định mới của Trung ương về đất đai; ban hành các quyết định phân cấp, ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý đất đai cho cấp xã và Ban Quản lý Khu kinh tế; xây dựng kế hoạch kiểm tra việc sử dụng đất đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Thẩm định 38 thiết kế kỹ thuật, phương án nhiệm vụ đo đạc; nghiệm thu 05 mảnh trích đo; thẩm định, kiểm tra điều kiện hoạt động của các đơn vị đo đạc bản đồ; triển khai các nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, ứng dụng công nghệ UAV phục vụ đo đạc và chuyển đổi số.

- Hướng dẫn, xử lý 86 vướng mắc về giá đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tập trung tháo gỡ khó khăn cho các dự án trọng điểm như cao tốc Quy Nhơn – Pleiku, cao tốc Bắc – Nam và các dự án hạ tầng quan trọng của tỉnh.

- Thực hiện xác định giá đất đối với 57 dự án; trong đó 37 dự án đã trình Hội đồng thẩm định, 06 dự án đang được đơn vị tư vấn thực hiện và 14 dự án đang lựa chọn đơn vị tư vấn.

- Tham mưu phê duyệt 38 phương án đấu giá quyền sử dụng đất và kết quả trúng

đấu giá; hướng dẫn các địa phương xử lý các vướng mắc liên quan đến công tác đấu giá đất.

- Tiếp nhận, hướng dẫn và hỗ trợ người dân thực hiện 6.976 hồ sơ đất đai, gồm: 1.682 hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận lần đầu; 1.700 hồ sơ đăng ký biến động; 2.666 hồ sơ đo đạc, lập bản đồ và 928 hồ sơ khác; trả lời 16/16 phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức; tham mưu xử lý 36 vụ việc đơn thư, khiếu nại, tố cáo liên quan đến đất đai.

- Phối hợp với Công ty VDCD triển khai thí điểm các giải pháp công nghệ phục vụ chuyển đổi số đối với các lĩnh vực nông nghiệp, môi trường, xây dựng, giao thông và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh (sử dụng thiết bị UAV đo đạc, lập bản đồ địa chính); hoàn thiện báo cáo kết quả thực nghiệm đo đạc thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/500 bằng phương pháp UAV tại phường Bình Định.

3.8. Về quản lý khoáng sản, tài nguyên nước

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy định mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quy chế phối hợp quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Chỉ thị về tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về khoáng sản, nhất là công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; hướng dẫn các chủ mỏ lắp đặt trạm cân, camera giám sát để cơ quan chức năng kiểm tra, theo dõi.

- Công tác cấp phép hoạt động khoáng sản, tài nguyên nước: Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành 81 giấy phép hoạt động khoáng sản, tài nguyên nước.

- Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã cấp phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường (đất, cát) để phục vụ các dự án trên địa bàn xã (hoặc xã lân cận). Rà soát, đề xuất danh sách địa phương được ủy quyền thí điểm cấp phép khai thác khoáng sản; tham gia hướng dẫn quy trình, thủ tục để Chủ tịch UBND cấp tỉnh ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp xã cấp phép hoạt động khoáng sản nhóm III, nhóm IV.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2026; triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo kế hoạch.

- Xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền trúng đấu giá đối với 42 dự án, với tổng số tiền phải nộp hơn 253 tỷ đồng, trong đó năm 2026 phải nộp hơn 56,6 tỷ đồng. Kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản và xử phạt vi phạm hành chính đối với 05 doanh nghiệp với số tiền hơn 780 triệu đồng.

- Tổ chức làm việc, xem xét kiến nghị tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình, dự án.

- Chủ trì, giám sát, phối hợp thực hiện nhiệm vụ “kiểm kê nguồn tài nguyên nước mặt nội tỉnh giai đoạn đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”; “Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên lưu vực sông Kôn – Hà Thanh, sông La Tinh và sông Lại Giang.

3.9. Về bảo vệ môi trường

- Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng trên địa bàn tỉnh; ban hành mức giá cụ thể dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai, áp dụng trong năm 2026.

- Khảo sát thực tế, hướng dẫn công tác quản lý thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tổng hợp báo cáo kết quả thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt các xã/phường.

- Hướng dẫn các xã, phường tăng cường công tác kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn thải và đảm bảo vệ sinh môi trường; theo dõi, giám sát số liệu quan trắc nước thải và khí thải tự động, liên tục từ các cơ sở sản xuất trên phần mềm tiếp nhận số liệu quan trắc tự động; tiếp nhận và xử lý thông tin về ô nhiễm môi trường đúng theo quy định.

- Thành lập đoàn kiểm tra đột xuất việc chấp hành pháp luật về BVMT tại các cơ sở; ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực BVMT; kiểm tra phản ánh kiến nghị của cử tri liên quan đến công tác bảo vệ môi trường; xác nhận công tác bảo vệ môi trường; xem xét trả lời kiến nghị của các Doanh nghiệp, Công ty, xã/phường trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức Lễ Phát động cấp tỉnh hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới với chủ đề “Kêu gọi toàn cầu chung tay hành động vì khí hậu”.

3.10. Về thủy lợi, phòng chống thiên tai

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, đã tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành 12 văn bản về cơ chế, chính sách và quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy lợi, đề điều, phòng chống thiên tai như: các nghị quyết về hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, duy tu đề điều; các quy định về phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi; lực lượng quản lý đề nhân dân; kế hoạch phát triển thủy lợi và nước sạch nông thôn giai đoạn 2026–2030 và phương án ứng phó thiên tai năm 2026.

- Tổ chức kiểm đếm, theo dõi nguồn nước phục vụ chỉ đạo sản xuất; xây dựng kế hoạch cấp nước năm 2026; triển khai các hoạt động phòng, chống thiên tai, khắc phục hậu quả bão lũ năm 2025; quản lý, vận hành an toàn hệ thống đê Đông và La Tinh; sửa chữa các công trình đề điều bị hư hỏng do thiên tai. Tham mưu cấp 33 giấy phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (28 giấy phép lĩnh vực thủy lợi, 05 giấy phép lĩnh vực đề điều); thẩm định 19 hồ sơ, kiểm tra nghiệm thu 09 hồ sơ.

- Theo dõi sát mực nước các hồ chứa, nguồn nước tại các diện tích thiếu nước để có phương án điều tiết, đảm bảo không ảnh hưởng đến sản xuất; triển khai các giải pháp phòng, chống hạn hán, thiếu nước vào mùa khô.

- Tổng hợp số liệu báo cáo bộ chỉ số nước sạch nông thôn năm 2025 các xã gửi về; báo cáo kết quả thẩm định Bộ chỉ số nước sạch nông thôn năm 2025.

- *Tình hình nguồn nước các hồ chứa:* Tổng dung tích 284 hồ chứa, đến thời điểm báo cáo khoảng 642/1.453 triệu m³, đạt 44,2% dung tích thiết kế, bằng 85%

cùng kỳ, giảm so với kỳ báo cáo trước 32,5 triệu m³. Trong đó: Khu vực phía Đông tỉnh dung tích 164 hồ chứa là 351/676 triệu m³, đạt 60% dung tích thiết kế, bằng 84,7% cùng kỳ, giảm so với kỳ báo cáo trước 30,8 triệu m³. Khu vực phía Tây tỉnh dung tích 120 hồ chứa là 292/777 triệu m³, đạt 37,5% dung tích thiết kế, bằng 97,4% cùng kỳ, giảm so với kỳ báo cáo trước 1,6 triệu m³.

3.11. Về tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính, kế hoạch - tài chính và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

- Tổ chức bộ máy:

+ Thực hiện công tác cán bộ, bổ nhiệm/bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý các phòng, ban, cơ quan, đơn vị thuộc Sở; triển khai công tác bàn giao các Trạm Chăn nuôi và Thú y, Trạm Trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường về Ủy ban nhân dân xã, phường quản lý; tổ chức lại Văn phòng đăng ký đất đai trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Chuyển đổi số Nông nghiệp và Môi trường vào Văn phòng đăng ký đất đai; xây dựng đề án/phương án sắp xếp tổ chức bộ máy của 02 Công ty Khai thác công trình thủy lợi; hoàn thiện Đề án sắp xếp các Ban quản lý rừng phòng hộ trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

+ Xây dựng Danh mục sản phẩm/công việc, đơn vị sản phẩm/công việc phục vụ triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ công chức; triển khai đánh giá xếp loại đối với lãnh đạo, quản lý và công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Sở.

+ Ban hành Kế hoạch số 01/KH-SNNMT ngày 07/1/2026 đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức cấp xã năm 2026 trên lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- *Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)*: Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành các Quyết định công bố TTHC thuộc lĩnh vực Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý. Tính đến nay có 361 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Hiện nay các thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện cắt giảm thời gian giải quyết hồ sơ theo nội dung Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, đa phần các TTHC đã thực hiện cắt giảm 50% thời gian so với Bộ công bố (vượt chỉ tiêu so với Chính phủ giao 30%).

- Kế hoạch - tài chính:

+ Ban hành và triển khai kế hoạch hành động thực hiện các chỉ tiêu kinh tế xã hội và Chương trình công tác trọng tâm năm 2026; cập nhật phương án tăng trưởng ngành nông lâm thủy sản để đảm bảo mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026 của tỉnh từ 10% trở lên; phối hợp hoàn thiện nội dung dự thảo Hồ sơ “Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”; rà soát, cung cấp số liệu các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và nhiệm vụ trọng tâm ngành nông nghiệp và môi trường giai đoạn 2026-2030 cho 135 xã, phường; triển khai các Đề án, Kế hoạch, Dự án lớn của ngành nông nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt; rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐND và UBND tỉnh (trước và sau sáp nhập tỉnh) để thống nhất xây dựng văn bản thay thế, bãi bỏ theo quy định.

+ Thực hiện lập biên bản xét duyệt quyết toán năm 2025; tổng hợp, lập Báo cáo quyết toán và Báo cáo tài chính năm 2025; tổng hợp hồ sơ, tài liệu, thông tin báo cáo, cung cấp cho Đoàn kiểm toán ngân sách địa phương năm 2025; hoàn thành báo cáo kết quả Tổng kiểm kê tài sản công; rà soát, đề nghị bổ sung kinh phí và giao điều chỉnh, bổ sung dự toán NSNN cho các đơn vị trực thuộc; tổng hợp, giải trình, trình phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Bảo vệ, phục hồi và phát triển rừng bền vững ở Tây Nguyên, tỉnh Gia Lai.

+ Tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư: Lũy kế từ đầu năm đến nay, đã tiếp nhận 454 văn bản đề nghị tham gia ý kiến đối với các dự án đầu tư; đã hoàn thành 450 văn bản; còn lại 4 văn bản trong hạn xử lý.

- *Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số*: Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 42-KH/TU và các nhiệm vụ về chuyển đổi số, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong năm 2026; hoàn thành kết nối, đồng bộ CSDL đất đai theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp cho 2.232.483 thửa đất; duy trì tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào đạt 99,83%; triển khai các hệ thống quan trắc môi trường với 20 trạm quan trắc tự động chất lượng môi trường và 32 trạm quan trắc tự động chất thải; vận hành hệ thống quan trắc mực nước – lượng mưa với hơn 200 trạm quan trắc tự động; ứng dụng AI dự báo trượt lở cho 134 vị trí, cảnh báo trước 05 ngày; đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, IoT, AI, UAV trong các lĩnh vực đất đai, thủy lợi, phòng chống thiên tai, lâm nghiệp, chăn nuôi, trồng trọt, môi trường và phát triển nông thôn; triển khai thí điểm chuyển đổi số tại xã Tây Sơn với kết quả ban đầu đáng ghi nhận trên 4 lĩnh vực (đất đai, khoáng sản, quản lý rừng, phòng chống thiên tai) và đẩy mạnh ứng dụng AI, IoT, UAV trong quản lý ngành.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Tập trung chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả nhiệm vụ UBND tỉnh giao và hoàn thành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ.

- Triển khai các Đề án, Kế hoạch, Dự án lớn của ngành nông nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện và trình các Đề án, Kế hoạch được giao.

- Tiếp tục phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn địa phương rà soát, cập nhật kịch bản phương án tăng trưởng kinh tế - xã hội các quý còn lại trong năm 2026. Bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch đề tập trung chỉ đạo, điều hành và phối hợp các địa phương thực hiện đạt kế hoạch năm 2026.

- Hỗ trợ nhà đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án có quy mô lớn. Tiếp nhận và giải đáp các kiến nghị tại các xã, phường, đặc biệt quan tâm lĩnh vực đất đai, môi trường, chuyển đổi đất rừng, tận thu khoáng sản,...

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ được giao về Chuyển đổi số, Chiến lược dữ liệu, Đề án 06, Nghị quyết 57-NQ/TW, cải cách hành chính..., trong đó đẩy nhanh

xây dựng các cơ sở dữ liệu của ngành (tập trung lĩnh vực: đất đai, khoáng sản, lâm nghiệp, thủy lợi, phòng chống thiên tai, nông nghiệp...).

2. Tổ chức triển khai thực hiện các lĩnh vực chuyên môn

2.1. Về lĩnh vực trồng trọt

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, nguồn nước, tình hình sinh vật gây hại; hướng dẫn các địa phương bố trí thời vụ, cơ cấu giống phù hợp theo từng vùng sinh thái; đôn đốc thực hiện các chỉ tiêu diện tích, năng suất, sản lượng cây trồng theo kế hoạch năm 2026, phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu tăng trưởng của ngành.

- Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các xã, phường triển khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng kém hiệu quả, nhất là trên diện tích thường xuyên thiếu nước, đất sản xuất hiệu quả thấp; ưu tiên phát triển các cây trồng có giá trị kinh tế cao, thích ứng biến đổi khí hậu và gắn với nhu cầu thị trường.

- Tiếp tục tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch phát triển trồng trọt giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; Kế hoạch hành động thực hiện Đề án sản xuất giảm phát thải lĩnh vực trồng trọt giai đoạn 2026 - 2035, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chủ động phối hợp, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phát triển vùng nguyên liệu cây trồng hàng hóa tập trung, quy mô lớn, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; đẩy mạnh cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; tập trung phát triển liên kết chuỗi đối với các ngành hàng chủ lực như cà phê, sầu riêng, chanh dây.

2.2. Về lĩnh vực chăn nuôi

- Hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai các biện pháp phòng chống dịch bệnh; tăng cường giám sát tình hình dịch bệnh; tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, cúm gia cầm; triển khai công tác tiêm phòng các loại vắc xin trên đàn vật nuôi.

- Tiếp tục tập trung phát triển 03 loại vật nuôi chủ lực của tỉnh là bò thịt, heo, gia cầm (gà). Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi thân thiện với môi trường, gắn với các dự án chế biến gia súc, gia cầm nhằm nâng cao giá trị sản xuất ngành chăn nuôi.

- Tiếp tục rà soát các trang trại chăn nuôi, đôn đốc trang trại thực hiện đảm bảo các điều kiện chăn nuôi và kê khai chăn nuôi theo quy định. Phối hợp với Sở Tài chính, UBND xã, phường nắm bắt thông tin tình hình đầu tư xây dựng và hoạt động của các dự án trên địa bàn; phối hợp giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh. Tích cực đôn đốc các dự án đầu tư trại chăn nuôi cam kết thực hiện đúng tiến độ, nhất là các dự án dự kiến đi vào hoạt động năm 2026.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp liên kết chăn nuôi gia công, liên kết tiêu thụ sản phẩm; kiểm tra, hậu kiểm các cơ sở giết mổ tập trung, cơ sở kinh doanh sản phẩm động vật, chợ kinh doanh động vật, sản phẩm động vật.

2.3. Về lĩnh vực lâm nghiệp

- Tiếp tục thực hiện quyết liệt các biện pháp bảo vệ rừng, hạn chế tối đa tình trạng cháy rừng, phá rừng, khai thác rừng trái pháp luật. Đặc biệt tổ chức trực ứng

trực bảo vệ rừng và PCCCR 24/24 giờ trong các tháng cao điểm có nguy cơ xảy ra cháy rừng và phá rừng. Thực hiện nghiêm túc việc cảnh báo, dự báo nguy cơ cháy rừng, phá rừng.

- Đôn đốc các địa phương, đơn vị tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ công tác trồng rừng và sản xuất cây giống để đảm bảo đạt chỉ tiêu của năm 2026. Tiếp tục duy trì và mở rộng diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

- Triển khai xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030 định hướng đến năm 2050; Xây dựng Chính sách hỗ trợ Phát triển rừng trồng cây gỗ lớn, kết hợp phát triển kinh tế dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030 định hướng đến năm 2050; đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án điều tra, kiểm kê rừng đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng; tham mưu hoàn thiện, chuẩn hóa số liệu, dữ liệu, bản đồ Điều tra, kiểm kê rừng tỉnh Gia Lai (mới) đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Tham mưu triển khai thực hiện Đề án phát triển tín chỉ các-bon rừng trên địa bàn tỉnh theo đúng định hướng và quy định hiện hành; thực hiện đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng của Vườn Quốc Gia Kon Ka Kinh và Khu Bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.

2.4. Về lĩnh vực thủy sản

- Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về chống khai thác IUU.

- Theo dõi sát diễn biến thời tiết và tình hình khai thác hải sản của ngư dân trên các vùng biển để kịp thời đề xuất các giải pháp hỗ trợ ngư dân yên tâm sản xuất an toàn, hiệu quả. Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện nghiêm các chính sách hỗ trợ khai thác thủy sản đúng theo quy định.

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn phát triển nuôi trồng thủy sản, ứng dụng công nghệ sản xuất tiên tiến vào các vùng nuôi tập trung, mở rộng sản xuất tại các khu vực có tiềm năng phát triển (nuôi lồng bè trên hồ chứa); phối hợp quản lý và giám sát trong nuôi trồng thủy sản, tuyên truyền Lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ năm 2026.

- Triển khai các hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hoạt động tuyên truyền về biển và hải đảo năm 2026; tham mưu thực hiện các nội dung liên quan đến giao khu vực biển, nhận chìm chất nạo vét ở biển.

2.5. Về quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm (ATTP) nông lâm thủy sản

- Tiếp tục triển khai công tác quản lý chất lượng, ATTP, chế biến và phát triển thị trường nông lâm thủy sản và muối trên địa bàn tỉnh; công tác đảm bảo an toàn thực phẩm về đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng và hàng không đảm bảo an toàn thực phẩm lĩnh vực Nông nghiệp.

- Thực hiện kiểm tra chuyên ngành, hậu kiểm việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP và xử lý vi phạm về điều kiện quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. Hậu kiểm, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm đối với sản

phẩm chủ lực đã được chứng nhận đạt OCOP 3 sao trở lên thuộc lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.6. Về phát triển nông thôn và xây dựng nông thôn mới

- Phối hợp với các địa phương khảo sát tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, hướng dẫn việc hình thành mới chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo Kế hoạch đăng ký của địa phương năm 2026.

- Hướng dẫn triển khai chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; mức hỗ trợ một dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án năm 2026 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

- Tiếp tục kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện 16 dự án, phương án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai khẩn cấp; hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện; tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết nhằm bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả của các dự án.

- Tham mưu Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 áp dụng trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch thực hiện theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã/phường; Triển khai Kế hoạch triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2026.

2.7. Về quản lý đất đai

- Thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh như giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, ... đối với các tổ chức có nhu cầu để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, báo cáo công tác xử lý, lấn chiếm đất đai trên; xử lý các vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp, hướng dẫn các địa phương rà soát tháo gỡ khó khăn trong lĩnh vực đất đai; Tập trung giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp, nhất là các địa phương có hồ sơ tồn đọng nhiều.

- Tiếp tục rà soát Văn bản quy phạm pháp luật về đất đai thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, HĐND tỉnh ban hành do Luật Đất đai, Nghị định giao quy định để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tiếp tục phối hợp xây dựng giá sản phẩm thuộc lĩnh vực đất đai áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai; hoàn thiện phương án giá đất; tập trung làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai; triển khai công tác đo đạc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đảm bảo tiến độ.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án “Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp,

công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.

2.8. Về quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước

- Tăng cường giám sát, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường tại các khu vực mỏ; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân khai thác, vận chuyển, tiêu thụ khoáng sản trái phép, các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, xuất, nhập khẩu khoáng sản trái phép. Kiểm tra, đối chiếu sản lượng khai thác thực tế và sản lượng kê khai nộp thuế, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định.

- Rà soát, đảm bảo việc cấp phép khai thác các mỏ vật liệu xây dựng (cát, đất, đá...) để đáp ứng đủ nhu cầu thi công xây dựng trên địa bàn. Tổng hợp nhu cầu về nguyên, nhiên vật liệu xây dựng, ưu tiên bảo đảm nguồn cung cho các công trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; đặc biệt chú trọng các công trình, dự án trọng điểm quốc gia và các công trình dân sinh cấp bách.

- Đẩy mạnh việc cải cách hành chính trong cấp phép hoạt động khoáng sản, công khai các thông tin cấp phép, quy hoạch khoáng sản, đấu giá quyền khai thác quyền khai thác khoáng sản. Triển khai công tác đấu giá quyền khai thác khoáng sản năm 2026 theo kế hoạch.

- Tiếp tục giám sát, phối hợp với công ty Cổ phần EWATER thực hiện nhiệm vụ: “Xây dựng mực nước tương ứng với các cấp báo động lũ trên lưu vực sông Kôn – Hà Thanh, sông La Tinh và sông Lại Giang chưa được quy định tại Quyết định số 05/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phục vụ công tác phòng, chống, ứng phó với lũ, ngập lụt trên địa bàn tỉnh Gia Lai” theo quy định hiện hành.

2.9. Về bảo vệ môi trường

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành: (1) Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai, (2) Quy định về Quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh, (3) Quyết định phê duyệt phương án giá hoạt động quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai, (4) Chỉ thị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh, (5) Kế hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026 - 2030, (6) Kế hoạch truyền thông môi trường trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026 - 2030, (7) Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Gia Lai 2026-2030, định hướng 2035, (8) Kế hoạch và lộ trình đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, (9) Quy định về ủy quyền cho cấp xã giải quyết thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường.

- Khảo sát tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh có lượng phát thải lớn; tổ chức kiểm tra, báo cáo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Giám sát công tác vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của các dự án trên địa bàn tỉnh.

2.10. Về thủy lợi, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn

- Tiếp tục kiểm đếm nguồn nước từ các công trình thủy lợi; theo dõi sát tình hình thời tiết, các bản tin khí tượng thủy văn để kịp thời tham mưu Sở điều tiết nước hợp lý phục vụ sản xuất.

- Kiểm tra an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi; lập hồ sơ duy tu sửa chữa thường xuyên năm 2026.

- Triển khai thực hiện các giải pháp ứng phó với hạn hán, thiếu nước, cháy rừng, xâm nhập mặn đối với sản xuất nông nghiệp và cấp nước sinh hoạt mùa khô năm 2026 theo Chỉ thị số 04/CT-UBND; Kế hoạch công tác phòng, chống thiên tai năm 2026 trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung chỉ đạo, chủ động xây dựng phương án phòng chống hạn ở các vùng không chủ động nguồn nước tưới; đặc biệt là đối với các xã, phường thuộc khu vực huyện Ia Pa, Krông Pa, Phú Thiện, Kông Chro, Đak Pơ, Kbang và thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa cũ.

- Kiểm tra các công trình nước sạch nông thôn từ công trình cấp nước tập trung trên địa bàn các xã phía Tây tỉnh; triển khai hưởng ứng tuần lễ nước sạch Quốc gia.

Sở Nông nghiệp và Môi trường kính báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Nông nghiệp và MT (để báo cáo);
- Sở Tài chính (để tổng hợp);
- Thống kê tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC (Tuần).



GIÁM ĐỐC

Cao Thanh Thương